ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ TIÊN HOA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 935 /QĐ-UBND	*Tiên Hoa, ngày 31 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2026 xã Tiên Hoa

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TIÊN HOA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dữ trự quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ; số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 24/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã về phân bổ ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 882/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND xã Tiên Hoa về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026 xã Tiên Hoa.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng phòng: Văn hóa-Xã hội xã; phòng Kinh tế xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- UBND tỉnh Hưng Yên;
- Sở Tài chính tỉnh;
- Thường trực: Đảng ủy, HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Văn phòng: Đảng ủy, HĐND-UBND xã;
- Cổng thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Vũ Quang Vinh

UBND XÃ TIÊN HOA

Biểu số 108/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 935 /QĐ-UBND ngày 31 / 12 / 2025 của UBND xã Tiên Hoa)

Đơn vị: Triệu đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	**239.446**	**TỔNG SỐ CHI**	**239.446**
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	1.074	I. Chi đầu tư phát triển	18.825
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	20.565	II. Chi thường xuyên	181.141
III. Thu bổ sung	217.807	III. Dự phòng	3.837
- Bổ sung cân đối	182.164	IV. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh (Kinh phí thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng)	19.672
- Thu từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh (Kinh phí thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng)	19.672		
- Thu từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ nguồn CCTL để thực hiện chính sách an sinh xã hội	15.971	V. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ nguồn CCTL để thực hiện chính sách an sinh xã hội	15.971
IV. Thu chuyển nguồn			

UBND XÃ TIÊN HOA

Biểu số 109/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1355/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã Tiên Hoa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2026	
		KH xã giao	
		Thu NSNN	Thu NSĐP
A	*B*	*3*	*4*
	TỔNG THU (A+B+C+D)	**251.645**	**239.446**
	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (A+B)	**216.002**	**203.803**
A	**TỔNG CÁC KHOẢN THU NỘI ĐỊA**	**33.838**	**21.639**
I	***Các khoản thu 100%***	***1.074***	***1.074***
1	Phí, lệ phí	70	70
	- Trung ương		
	- Địa phương	*70*	*70*
2	Thuế tài nguyên		
3	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	350	350
4	Các khoản huy động không hoàn trả và đóng góp		
5	Thuế SD đất phi NN	200	200
6	Thu khác ngân sách	94	94
7	Tiền thuê mặt đất, mặt nước	10	10
8	Thuế thu nhập doanh nghiệp+GTGT	350	350
	- Thuế GTGT+TNDN	*350*	*350*
	- Thuế GTGT từ cá nhân, hộ kinh doanh		
	- Thuế TTĐB	-	-
9	Thu kết dư		
10	Thu chuyển nguồn		
II	***Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (%)***	***32.764***	***20.565***
1	Thuế thu nhập cá nhân	1.380	420
	- Từ tiền lương, tiền công và CN vốn		
	- Từ hộ kinh doanh cá thể	*180*	*180*
	- Từ chuyển nhượng bất động sản	*1.200*	*240*
2	Lệ phí trước bạ	3.700	1.320
	- Lệ phí trước bạ nhà đất	*700*	*420*
	- Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	*3.000*	*900*
3	Tiền sử dụng đất	27.684	18.825
	- Dự án thuộc khu đất tỉnh quản lý		-
	- Dự án thuộc khu đất xã quản lý	*27.684*	*18.825*
B	**THU BỔ SUNG TỪ NS CẤP TRÊN**	**182.164**	**182.164**
1	Bổ sung cân đối	182.164	182.164
2	Bổ sung có mục tiêu vốn sự nghiệp		

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2026	
		KH xã giao	
		Thu NSNN	Thu NSĐP
C	**CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TỈNH**	**19.672**	**19.672**
	Kinh phí thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng	19.672	19.672
D	**THU TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGUỒN CCTL ĐỂ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI**	**15.971**	**15.971**
C	**THU TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (Kinh phí thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng)**	**15.676**	**15.676**
	Chi trợ cấp ưu đãi theo Pháp lệnh người có công với cách mạng và Pháp lệnh Bà mẹ Việt Nam anh hùng gồm: Chi trợ cấp, phụ cấp thường xuyên và trợ cấp một lần; Chi cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng; điều trị điều dưỡng	14.742	14.742
	Kinh phí đóng bảo hiểm y tế cho người có công, thân nhân người có công với Cách mạng, người phục vụ người có công với Cách mạng do ngân sách nhà nước đảm bảo	934	934
D	**THU TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGUỒN CCTL ĐỂ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI (**)**	**14.080**	**14.080**

UBND XÃ TIÊN HOA

Biểu số 110/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 435 /QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã Tiên Hoa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		
		Tổng số	XDCB	Chi thường xuyên
A	*B*	*4*	*5*	*6*
	TỔNG CHI NSĐP	**239.446**	**18.825**	**220.621**
I	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH**	**203.803**	**18.825**	**184.978**
1	Quốc phòng	1.114		1.114
2	An ninh	90		90
3	Sự nghiệp Giáo dục, ĐT và dạy nghề	95.987	1.811	94.176
4	Sự nghiệp khoa học và công nghệ	1.270		1.270
5	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	11.532		11.532
6	Sự nghiệp văn hóa - TDTT, truyền thanh	4.347	2.885	1.462
7	Bảo đảm xã hội	9.544		9.544
8	Sự nghiệp kinh tế	40.653	14.129	26.524
9	Sự nghiệp Môi trường	1.187		1.187
10	Quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể	32.028		32.028
11	Chi khác	1.307		1.307
12	Chi khen thưởng	907		907
13	Dự phòng	3.837		3.837
II	**CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (Kinh phí thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng)**	**19.672**		**19.672**
III	**CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGUỒN CCTL ĐỂ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI (**)**	**15.971**		**15.971**

UBND XÃ TIÊN HOA

Biểu số 111/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN[(1)] NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 935 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Tiên Hoa)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện lũy kế từ khởi công đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán lũy kế từ khởi công đến 31/12/2025	Dự toán năm 2026			
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
									Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
	TỔNG SỐ		**669.122**	**-**	**184.258**	**111.688**	**18.825**	**10.842**	**18.825**	
I	**LĨNH VỰC VĂN HÓA**		**9.500**	**-**	**7.085**	**5.000**	**2.885**	**2.085**	**2.885**	**-**
a	**Dự án hoàn thành**		**6.000**		**5.585**	**3.500**	**2.085**	**2.085**	**2.085**	
1	Xây dựng nhà văn hoá và các hạng mục phụ trợ thôn Mai Xá xã Minh Phượng	2022-2024	**6.000**		**5.585**	**3.500**	**2.085**	**2.085**	**2.085**	
b	**Dự án chuyển tiếp**		**3.500**	**-**	**1.500**	**1.500**	**800**	**-**	**800**	**-**
1	Phụ trợ nhà văn hoá thôn Điềm Đông	2024-2026	**3.500**		**1.500**	**1.500**	**800**		**800**	
II	**LĨNH VỰC GIÁO DỤC**		**29.510**	**-**	**27.332**	**3.208**	**1.811**	**1.811**	**1.811**	**-**
a	**Dự án hoàn thành**		**29.510**	**-**	**27.332**	**3.208**	**1.811**	**1.811**	**1.811**	
1	Nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ trường Mầm Non xã Minh Phượng	2022-2024	**14.700**		**13.132**		**724**	**724**	**724**	
2	Nhà lớp học 06 phòng 02 tầng trường tiểu học xã Cương Chính	2021-2022	**6.938**		**6.501**	**2.437**	**500**	**500**	**500**	
3	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng và các hạng mục phụ trợ trường THCS Cương Chính	2021-2022	**6.997**		**6.841**	**-**	**500**	**500**	**500**	
4	Cải tạo, sửa chữa sân cổng tường rào, nhà bảo vệ trường Tiểu Học xã Lệ Xá	2023	**875**		**858**	**771**	**87**	**87**	**87**	
III	**LĨNH VỰC GIAO THÔNG**		**249.339**	**-**	**149.841**	**103.480**	**11.129**	**6.946**	**11.129**	

a	**Dự án hoàn thành**		**55.594**	**-**	**46.196**	**31.208**	**4.326**	**4.326**	**4.326**	
1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng xã Lệ Xá (đoạn cánh đồng chòi và cánh đồng Mít)	2023-2024	**2.000**		**1.963**	**1.740**	**223**	**223**	**223**	
2	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Minh Phượng, tuyến 1 từ cầu Mai Xá đến nhà ông Giới, tuyến 2 từ ĐH.92, nhà ông Hưu đến kênh N1, tuyến 3 từ ĐH.92 nhà ông Đạt đến trường THCS	2021-2023	**14.700**		**14.127**	**8.400**	**500**	**500**	**500**	
3	Cải tạo, nâng cấp đường GT nội đồng thôn Bái Khê, xã Cương Chính (Đoạn từ cổng nhà bà Trụ đến máng nổi)	2022-2023	**1.650**		**1.565**	**1.218**	**347**	**347**	**347**	
4	Cải tạo, nâng cấp đường GT ngoài bãi thôn Đặng Xá, xã Cương Chính đoạn từ ĐH.378 đến nhà bà Nga	2024-2025	**1.200**		**1.102**	**950**	**152**	**152**	**152**	
5	Cải tạo, nâng cấp đường bãi rác thôn Bái Khê, An Tào, Đặng Xá xã Cương Chính	2021-2022	**5.764**		**5.628**	**1.500**	**500**	**500**	**500**	
6	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Cương Chính (đoạn từ đường ĐH.92 đến nhà ông Sánh thôn An Tào)	2023-2024	**5.500**		**4.807**	**2.500**	**500**	**500**	**500**	
7	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Cương Chính (đoạn từ ngã ba đình thôn An Tào đến khu đồng Nội thôn An Tào)	2022-2024	**7.500**		**4.021**	**3.000**	**1.021**	**1.021**	**1.021**	

8	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Mai Xá, xã Minh Phượng (đoạn từ nhà ông Vũ đến nhà ông Cách; thôn Điềm Tây, xã Minh Phượng đoạn từ nhà ông Hướng đến nhà ông Ngọc; thôn Điềm Đông, xã Minh Phượng đoạn I từ nhà ông Sở đến nhà ông Thìn, đoạn II từ nhà ông Nhưng đến nhà ông Bi)	2024-2025	**13.000**		**8.845**	**8.000**	**845**	**845**	**845**	
9	CT, nâng cấp đường GTNT thôn Mai Xá, xã Minh Phượng (đoạn từ đường vào trạm bơm mai xá B đến cống nhà ông Khá)	2022-2025	**3.500**		**3.383**	**3.200**	**183**	**183**	**183**	
10	Sửa chữa, bảo dưỡng đường GTNĐ xã Trung Dũng đoạn từ Đao bàng đến đồng Bồi thôn Hoàng Xá	2025	**780**		**754**	**700**	**54**	**54**	**54**	
b	**Dự án chuyển tiếp**		**193.745**	**-**	**103.646**	**72.272**	**6.803**	**2.620**	**6.803**	
1	Cải tạo nâng cấp đường GT xã Lệ Xá	2021-2022	**10.138**			**5.000**	**500**	**500**	**500**	
2	Cải tạo nâng cấp đường GTNT xã Trung Dũng (Tuyến 1, từ ĐH. 83 đến đồng Gò, thôn canh Hoạch; tuyến 2, Từ ĐH. 83 đến cống Gù và ĐH. 83 đến đồng Gò Thôn An Tràng; tuyến 3, Từ ĐH. 92 đến nhà Ông Hồng và từ đồng Vả B đến đồng Bái Thôn Đồng Lạc	2023 - 2026	**12.500**		**11.612**	**11.225**	**387**		**387**	

3	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Trung Dũng (tuyến 1, đoạn từ nhà ông Thoan đến Đồng Dộc và đoạn từ nhà ông Lành đến đồng Đằng thôn Đồng Lạc; tuyến 2, đoạn từ sông Cộc đến Cừ Tầu thôn Đồng Lạc; tuyến 3, đoạn từ ĐH.82 đến ĐH.83 và từ nhà ông Thủy đến đồng Bờ Cà thôn Hoàng Xá)	7/2023 - 2025	13.500		12.095	11.947	147		147	
4	Đường trục nội đồng xã Lệ Xá từ cống ông Vũ Khoa dọc kênh T1-25 đến Đồng Lê	2023-2026	1.887			900	500		500	
5	Đường trục nội đồng xã Lệ Xá từ địa phận thôn Đồng Cáp, xã Đoàn Đào đến Hoa Thị Đồng Lê	2023-2026	3.000		1.500	900	500		500	
6	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Lệ Xá (theo Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 10/7/2023 của UBND xã Lệ Xá)	2024-2026	7.634		2.000	2.000	500		500	
7	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Cương Chính (Đoạn từ ĐH.99 Tiên Lữ đến ĐH.80 Phù Cừ)	2023-2026	32.024		18.068	15.000	500	500	500	
8	Xây dựng cầu GTNT thôn Điềm Đông và cải tạo, nâng cấp đường dẫn đi cầu Mai Xá, xã Minh Phượng	2022-2025	14.980		9.936	7.000	500	500	500	
9	Đường giao thông nông thôn thôn Bái Khê, xã Cương Chính (đoạn từ ĐH.92 đến nhà ông Đỗ)	2025-2026	10.500		7.963	3.000	1.020	1.020	1.020	
10	Cải tạo nâng cấp đường GTNĐ xã Trung Dũng (đoạn từ đồng chương A đến đồng bái B thôn đồng Lạc)	2025-2026	2.300		2.171	2.000	100	100	100	

11	Cải tạo, nâng cấp đường GTNĐ thôn Giai Lệ, xã Lệ Xá (đoạn từ ĐH 82 đến khu chăn nuôi tập trung)	2025-2026	14.990		**7.000**	**5.000**	**449**		**449**	
12	Xây dựng cầu ông Thùy thôn Phù Liễu, xã Lệ Xá	2025-2026	14.950		**7.000**	**7.000**	**500**		**500**	
13	Xây dựng cống kết hợp cầu máng Ngã tư Hoa Sen thôn Phí Xá, xã Lệ Xá	2025-2026	2.692		**1.300**	**1.300**	**200**		**200**	
14	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Phí Xá, xã Lệ Xá (Đoạn từ Trạm bơm Lạc Dục đi Cống điều tiết T125)	2025-2026	14.900		**7.000**		**200**		**200**	
15	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Cương Chính (Đoạn từ ruộng nhà ông Sóng thôn Bái Khê đến cầu máng nổi thôn Mai Xá)	2025-2026	2.900		**1.500**		**200**		**200**	
16	Xây dựng cầu Đình Làng thôn Mai Xá, xã Cương Chính	2025-2026	14.950		**7.000**		**200**		**200**	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Cương Chính (Đoạn 1: Từ nhà ông									
17	Hảo Định đến cầu chợ Điềm; Đoạn 2: Từ nhà ông Khá đến đồng Bún; Đoạn 3: Từ ĐH.80 đến nhà ông Tám thôn Điềm Đông; Đoạn 4: Từ đường ĐH.92 đến đền Quan)	2025-2026	13.000		**4.000**		**200**		**200**	
18	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Điềm Đông, thôn Điềm Tây và thôn Mai Xá, xã Cương Chính	2025-2026	6.900		**3.500**		**200**		**200**	
IV	**LĨNH VỰC HẠ TẦNG**		380.773	0	0	0	3.000	0	3.000	0
a	**Dự án hoàn thành**		0		-	-	0		0	
b	**dự án chuyển tiếp**		20.192	-	-	-	1.160		1.160	

1	đầu tư Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ	2025-2027	20.192				1.160		1.160	
c	Dự án khởi công mới		204.311	-	-	-	1.000		1.000	
1	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư và khu dân cư mới xã Cương Chính huyện Tiên Lữ (Cũ)	2025-2027	107.570				500		500	
2	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư và khu dân cư mới xã Minh Phương huyện Tiên Lữ - Giai đoạn 2	2025-2027	96.741				500		500	
d	**Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư**		**156.271**	**0**	**0**	**0**	840		840	
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại thôn Canh Hoạch xã	2025-2027	55.600				210		210	
2	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới vị trí số 1 xã Minh Phượng	2025-2027	47.000				230		230	
3	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư mới vị trí số 2 Minh Phượng huyện Tiên Lữ (Cũ)	2025-2027	53.671				400		400	